

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T,  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 257 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2024

Về việc: “Xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Văn Thái và ông Đỗ Nhật Tân

***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Tô Tấn Cường – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

***-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2024/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2024, về việc: “Xin ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 864/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Hồ Thị Thùy D, sinh năm 1979, có mặt

*Địa chỉ:* Thôn T1, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

*Bị đơn* Nguyễn Văn C, sinh năm 1978, vắng mặt

*Địa chỉ:* Thôn T1, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn chị Hồ Thị Thùy D trình bày:* Giữa chị với anh **Nguyễn Văn C** tự tìm hiểu và kết hôn năm 2003 tại UBND xã P. Trong thời gian hôn nhân, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Anh Nguyễn Văn C không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, ăn chơi cờ bạc, thâm nợ, nhiều tổ chức cá nhân đến đòi nợ vợ con, gây xáo trộn gia đình. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung cũng đã mất, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Vân H, sinh ngày 07/03/2005, Nguyễn Triệu D1, ngày 18/11/2008, hiện

con đang ở cùng chị. Nay ly hôn chị xin nuôi con, chị D yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/ tháng cho đến khi con trưởng thành. Riêng cháu Hồ đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Về quan hệ tài sản chung: Chị D khai có tài sản chung, không nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra chị D không khai và không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn **Nguyễn Văn C** vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã tiến hành thực hiện việc tổng đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng bị đơn anh C vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị D ly hôn với anh C. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung của chị D và anh C tên là Nguyễn Triều D1, ngày 18/11/2008, cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, hiện con đang ở cùng chị D, Riêng cháu Nguyễn Thị Vân H, sinh ngày 07/03/2005, đã trên 18 tuổi nên chị D không yêu cầu giải quyết. Về cấp dưỡng: chị D yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về quan hệ tài sản chung: Chị D khai có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh **Nguyễn Văn C** cư trú tại Thôn T1, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh C vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị Thùy D thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Hồ Thị Thùy D và anh **Nguyễn Văn C** tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn từ năm 2003, có đăng ký kết hôn ngày 12/08/2003 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị D và anh C là hợp pháp. Theo chị chị

D khai trong thời gian sống chung không có trách nhiệm với gia đình, sau đó anh C cờ bạc nợ nần nhiều, gây ảnh hưởng đến gia đình vợ con. Trong khi Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục về việc xin ly hôn của chị D tại địa phương nơi anh C cư trú nhưng anh C vẫn không đến Tòa, cũng không có bản trình bày ý kiến. Điều này chứng tỏ anh C không mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị D và biên bản xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị D được ly hôn anh C.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Chị D và anh C có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Vân H, sinh ngày 07/03/2005, Nguyễn Triều D1, ngày 18/11/2008, hiện con đang ở cùng chị. Nay ly hôn chị D xin nuôi con, chị D yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị D là phù hợp với nguyện vọng của cháu D1 và quy định pháp luật nên giao cháu D1 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Hồ đã trưởng thành nên chị D không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét. Về cấp dưỡng: Chị D yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ là phù hợp nên được chấp nhận.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khai có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam có yêu cầu anh C trả nợ, sau đó rút yêu cầu trước khi Tòa ra thông báo nộp tạm ứng án phí nên Tòa không xét. Chị D khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, anh C phải chịu 300.000đ án phí về cấp dưỡng để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp được khấu trừ vào án phí.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hồ Thị Thùy D ly hôn anh **Nguyễn Văn C**.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Chị D và anh C có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Vân H, sinh ngày 07/03/2005, Nguyễn Triều D1, ngày 18/11/2008, hiện con đang ở cùng chị D. Giao con chung là cháu D1 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Riêng cháu Hồ đã trưởng thành nên chị D không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh C cấp dưỡng nuôi con chung là cháu D1 mỗi tháng 1.500.000đ, thời gian tính từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi. Bên

không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, anh C phải chịu 300.000đ án phí về cấp dưỡng để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001672, ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 19/8/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

*Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV -TAND tỉnh BD;
- UBND xã P
- (số 29Ngày 12/8/2003)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Bích Thủy**